

CÔNG TY CỔ PHẦN SOFTECH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /BCHĐQT-SOFTECH

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 5 năm 2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY ĐẠI CHÚNG: CÔNG TY CỔ PHẦN SOFTECH

- Trụ sở chính : Tòa nhà số 15 đường Quang Trung, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại : 0511.3810535 Fax: 0511.3810278
- Năm báo cáo : Năm tài chính 2011

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

- + Thành lập: Công ty cổ phần Softech tiền thân là Trung tâm Công nghệ Phần mềm Đà Nẵng, được thành lập từ ngày 08/11/2000 theo Quyết định số 120/2000/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng.
- + Theo Quyết định số 8449/QĐ-UBND ngày 23/10/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Trung tâm Công nghệ Phần mềm Đà Nẵng đã được cổ phần hóa trở thành Công ty cổ phần Công nghệ Phần mềm Đà Nẵng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0400392263 ngày 08/01/2008.
- + Tăng vốn điều lệ: Tháng 4/2011, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng.
- + Ngày 05/5/2011: Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Softech.

2. Quá trình phát triển:

- + Ngành nghề kinh doanh: Đào tạo nghề trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, quản trị doanh nghiệp, đào tạo ngoại ngữ, đào tạo các kỹ năng sống và bồi dưỡng năng khiếu cho trẻ em, đào tạo mỹ thuật. Sản xuất và gia công sản phẩm phần mềm. Cung cấp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị viễn thông và tin học. Tư vấn, thiết kế, xây lắp các hệ thống thông tin. Tư vấn các giải pháp và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Cung cấp các dịch vụ hạ tầng và công nghệ thông tin. Kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng. Quảng cáo thương mại. Tổ chức sự kiện. Quảng cáo thương mại.
- + Tình hình hoạt động: Năm 2011 là năm Công ty CP Softech gặp phải rất nhiều khó khăn, từ vấn đề thị trường cho đến vấn đề nhân sự của Công ty, trong bối cảnh như vậy, những kết quả mà Công ty đã đạt được là rất đáng khích lệ. Đây là năm thứ hai liên tiếp Công ty hoạt động kinh doanh có lãi kể từ khi được cổ phần hóa đến nay.

3. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2012:

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức, nâng cao năng lực sản xuất của các đơn vị, đảm bảo năng lực thực hiện các hợp đồng sản xuất phần mềm cho nước ngoài cũng như các dự án lớn trong nước.
- Kế hoạch doanh thu : 79,9 tỷ đồng
- Kế hoạch chi phí : 78,56 tỷ đồng
- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế : 1,34 tỷ đồng

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Trở thành một trong những Công ty phần mềm lớn của cả nước.
- Tối đa hóa lợi nhuận trên cơ sở sử dụng một cách hợp lý nguồn tài nguyên của Công ty.
- Gia tăng cổ tức cho các cổ đông, nâng cao đời sống cho CBNV.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2011:

Tổng doanh thu và thu khác đạt 49.231.755.861 đồng, trong đó doanh thu khối sản xuất, gia công phần mềm đạt 5.737.156.936 đồng; doanh thu khối dịch vụ đào tạo đạt 10.480.864.905 đồng; doanh thu hoạt động tài chính đạt 2.871.118.091 đồng; Doanh thu từ các hoạt động khác đạt 30.142.615.929 đồng.

- Tổng chi phí: 49.187.357.536 đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty: 44.398.325 đồng.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Kết quả	% kết quả so với kế hoạch
1	Vốn điều lệ	Ti đồng	30	30	100%
2	Tổng doanh thu và thu khác	Ti đồng	27,9	49,232	176,40%
3	Tổng chi phí	Ti đồng	22,4	49,188	219,58%
4	Lợi nhuận trước thuế	Ti đồng	5,5	0,044	9,78%

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- Nhà nước quan tâm và tăng cường đầu tư vào lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Các doanh nghiệp chú trọng đến công tác đầu tư công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, SXKD nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Cơ hội hợp tác với các thị trường Nhật Bản.

III. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	34	20
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	66	80
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	28	17
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	72	83
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,36	4,75
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2,38	4,79
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		5,87	0,11
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,44	0,095
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		7,83	0,126

- Phân tích những biến động:

+ Kinh tế thế giới suy thoái, gây ảnh hưởng khó khăn trong tìm kiếm việc làm cho Công ty tại thị trường trong nước cũng như nước ngoài.

- Giá trị tổng tài sản theo sổ sách tại thời điểm 31/12/2011: **41.803.867.383 VND**.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): Cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông, tổng số là 3.000.000 cổ phiếu.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 3.000.000 cổ phiếu phổ thông.

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không

- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: Không.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch/dự tính năm 2011:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Kết quả	% kết quả so với kế hoạch
Tổng doanh thu và thu khác	Ti đồng	27,9	49,232	176,40%
Tổng chi phí	Ti đồng	22,4	49,188	219,58%
Lợi nhuận trước thuế	Ti đồng	5,5	0,044	9,78%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	Ti đồng	0,46		(chuyển lỗ 2010 qua)
Lợi nhuận sau thuế	Ti đồng	5,04	0,044	0,87%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	15,18	0,11	0,72%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	20,16	0,095	0,47%

Tổng quan về hoạt động của Công ty so với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011	% kết quả năm 2011 so với năm 2010
Tổng doanh thu và thu khác	Ti đồng	22,49	49,232	218,90%
Tổng chi phí	Ti đồng	21,12	49,187	232,89%
Lợi nhuận trước thuế	Ti đồng	1,37	0,044	3,21%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	Ti đồng			
Lợi nhuận sau thuế	Ti đồng	1,37	0,044	3,21%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,87	0,11	1,87%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,44	0,095	1,47%

Nguyên nhân đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Kinh tế thế giới suy thoái, gây ảnh hưởng khó khăn trong tìm kiếm việc làm cho Công ty tại thị trường trong nước cũng như nước ngoài.
- Tình hình kinh doanh khó khăn của Công ty trong năm 2008, 2009, 2010 tiếp tục gây ảnh hưởng đến hoạt động của năm 2011.

3. Những tiên bộ Công ty đã đạt được:

- Công ty đã từng bước xây dựng được bộ máy lãnh đạo cấp cao, góp phần tích cực vào việc ổn định tình hình Công ty.
- Tinh giảm đội ngũ CBNV, đồng thời tuyển dụng thêm được một số nhân sự giỏi.
- Thực hiện việc phân loại, đánh giá năng lực các nhân viên khối IT. Qua đó, thấy được khả năng nhân lực IT của Công ty theo từng loại kỹ năng cụ thể.
- Củng cố và phát triển mối quan hệ hợp tác làm ăn với các đối tác Nhật Bản.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Giao chỉ tiêu công việc cụ thể cho các bộ phận. Mỗi bộ phận có trách nhiệm tổ chức thực hiện công việc sản xuất kinh doanh nhằm đạt được chỉ tiêu kế hoạch được giao. Công việc sẽ được theo dõi trực tiếp và có sự điều chỉnh linh hoạt (nếu cần) cho phù hợp với tình hình thực tế.

4.2. Đẩy mạnh công tác bán hàng trên thị trường cả nước, đặc biệt là thị trường Hà Nội và HCM, khai thác triệt để các sản phẩm đã có như ERP, ECS, HRS, Lưu trữ, CD Luật, ... Xây dựng các giải pháp có giá trị lớn về chính phủ điện tử nhằm tham gia thị trường chính phủ điện tử đang sôi động trở lại. Tham gia tốt các dự án xây dựng chính phủ điện tử tại Đà Nẵng.

Tăng cường đội ngũ kinh doanh có năng lực cho thị trường Nhật để phát huy kinh nghiệm hiện có nhằm phát huy thị trường này.

Tổ chức và xây dựng đội ngũ nhân lực có thể mạnh như Mobile, hệ thống bán lẻ ...

Xây dựng và tổ chức hệ thống đánh giá và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp phù hợp với các tiêu chuẩn của hệ thống chất lượng CMMi.

Xây dựng các chính sách tốt về nhân sự để thu hút, đào tạo và sử dụng hợp lý nhằm phát triển bền vững nguồn nhân lực.

Duy trì và phát triển tốt các sản phẩm đào tạo đang có:

- + Lập trình viên quốc tế, kỹ thuật viên quốc tế, đồ họa đa phương tiện.
- + Công nghệ mạng MCSE, CCNA.
- + Cử nhân, thạc sỹ CNTT.
- + Sát hạch kỹ sư CNTT theo tiêu chuẩn Nhật Bản.
- + Trung tâm khảo thí Pearson VUE.
- + Đào tạo các khóa ngắn hạn cho các DN hiện đang là đối tác của Softech.

- Mở rộng hoạt động đào tạo sang lĩnh vực tiếng Anh, du lịch.

IV. Báo cáo tài chính:

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.
(Gửi kèm theo Báo cáo này).

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

1. Kiểm toán độc lập (Đính kèm trong BCTC đã kiểm toán của Công ty):

- Đơn vị kiểm toán độc lập
- Ý kiến kiểm toán độc lập
- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý)

2. Kiểm toán nội bộ:

- Ý kiến kiểm toán nội bộ;
- Các nhận xét đặc biệt;

VI. Các công ty có liên quan:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: không

VII. Tổ chức và nhân sự:

A - Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- + Hội đồng quản trị;
- + Ban Kiểm soát;
- + Ban Tổng giám đốc;

+ 09 Trung tâm, Ban, Chi nhánh trực thuộc Công ty (Trung tâm Phát triển Phần mềm, Trung tâm Xuất khẩu Phần mềm, Trung tâm Đào tạo Lập trình viên Quốc tế, Trung tâm Đào tạo Mỹ thuật đa phương tiện Quốc tế, Phòng Kiểm định Chất lượng, Ban Nhân sự, Ban Tài chính Kế toán, Chi nhánh tại Hà Nội, Chi nhánh tại HCM).

B - Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Mạnh Hào (Bổ nhiệm ngày 21/05/2009 đến ngày 31/01/2011; Từ ngày 05/5/2011 đến nay)

Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	12/01/1975
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	011908577 Ngày cấp: 08-09-1995. Nơi cấp: CA Hà Nội
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam
Nguyên quán:	Hà Nội

Thường trú: 41 Hoà Mã, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại liên lạc: 0904 255295
Trình độ học vấn: Thạc sỹ kinh tế
Trình độ chuyên môn:
+ Quản lý Kinh tế
+ Tài chính kế toán
+ Ngân hàng, chứng khoán
Quá trình công tác:
+ 1991-1995: Sinh viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân
+ 1995-2001: Bộ Tài chính, phụ trách mảng Điện lực, ngân hàng, giao thông thủy lợi.
+ 2001-2006: Nghiên cứu sinh chuyên ngành tài chính tại Canada
+ 2006-2008: Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương.
- Từ tháng 5/2009 đến 31/01/2011: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Phần mềm Đà Nẵng.
- Từ tháng 5/2011 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Softech.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0

2. Phó Tổng giám đốc thường trực: Ông Vy Văn Việt (Bổ nhiệm ngày 01/06/2009)

- Ngày sinh: 10/10/1976
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ B42 Chung cư Lê Đình Lý, Lê Đình Lý, Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc: 0983.146030
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Trình độ chuyên môn: Công nghệ thông tin
- Quá trình công tác:
+ 1999-2000: Công tác tại Công ty Phát triển Công nghệ và Tư vấn đầu tư Đà Nẵng

- + 2001- 2003: Chuyên viên Trung tâm Công nghệ Phần mềm Đà Nẵng
- + 2004-2007: Phó phòng Đào tạo Trung tâm Công nghệ Phần mềm Đà Nẵng
- + 2008-5/2009: Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lập trình viên Quốc tế, Công ty Cổ phần Công nghệ Phần mềm Đà Nẵng.
- + 6/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Softech.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 2.498 cổ phần

3. Phó Tổng giám đốc: Ông Lê Văn Duẩn (Bổ nhiệm ngày 03/01/2008 và thôi việc từ ngày 01/9/2011)

Giới tính	Nam
Ngày sinh:	01/01/1957
Nơi sinh:	Quảng nam
CMND:	200394915 do Công an Đà Nẵng, cấp ngày 12/09/2003
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam
Nguyên quán:	Quê Xuân, Quê Sơn, Quảng Nam
Thường trú:	Tổ 25 phường Xuân Hà, Thanh Khê, Đà Nẵng
Điện thoại liên lạc:	0913415877
Trình độ học vấn:	Đại học
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tin học
Quá trình công tác:	
1957-1975:	Còn nhỏ, đi học tại TP. Đà Nẵng
1975-1979:	Giáo viên cấp I,II - phòng Giáo dục Quê Sơn, Quảng Nam
1979-1983:	Học toán đại học Sư phạm Huế
1983-1984:	Dạy toán tại trường THPT Nguyễn Văn Cừ, Quê Sơn
1984-1986:	Dạy toán tại trường Trung học sư phạm Đà Nẵng
1986-1992:	Dạy toán tại trường PTTH Thái Phiên, Đà Nẵng
	Chủ tịch Công Đoàn trường THPT Thái Phiên
	Dạy Tin học tại trường Trung tâm dạy nghề Đà Nẵng
1994-1996:	Dạy toán tại trường THPT Thái Phiên, Đà Nẵng
	Chủ tịch Công Đoàn trường PTTH Thái Phiên, Đà Nẵng

Học cử nhân Tin học đại học Quốc gia Hà Nội
 Dạy Tin học tại Trung tâm Tin học Việt Tiến, Đà Nẵng
 1996-2000: Dạy toán tại trường THPT Thái Phiên, Đà Nẵng
 Chủ tịch Công Đoàn trường PTTH Thái Phiên, Đà Nẵng
 Phó ban đào tạo Trung tâm tin học Việt Tiến, Đà Nẵng
 Học Cao học Tin tại đại học Đà Nẵng
 2000-2001: Dạy chuyên tin tại trường THPT Lê Quý Đôn, Đà Nẵng
 Dạy tin học tại trung tâm Tin học Đà Nẵng
 Học Cao học Tin tại đại học Đà Nẵng
 10/2001-12/2007: Trưởng phòng Đào tạo Lập trình viên Quốc tế, Trung tâm Công nghệ Phần mềm Đà Nẵng
 01/2008 đến 9/2011: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Softech
 Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 Lợi ích liên quan với Công ty: Không có
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

* Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm và quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Tổng giám đốc.

DVT: VNĐ

STT	Họ & tên	Chức danh	Mức lương/tháng	Số tháng	Tiền lương (đồng)	Ghi chú
	1	2	3	4	5=3x4	
1	Nguyễn Mạnh Hào	TGD	20.000.000	1	20.000.000	T1
	Nguyễn Mạnh Hào	TGD	30.000.000	8	240.000.000	Từ T5 – T12
	Nguyễn Mạnh Hào	TGD	18.686.137	1	18.686.137	Lương tháng 13
	Tổng cộng				278.686.137	
2	Vy Văn Việt	P.TGD	12.000.000	2	24.000.000	T1, T2
	Vy Văn Việt	P.TGD	14.210.000	6	85.260.000	Từ T3 – T8
	Vy Văn Việt	P.TGD	17.160.000	4	68.640.000	Từ T9 – T12
	Vy Văn Việt	P.TGD	11.211.682	1	11.211.682	Lương tháng 13

	Tổng cộng				189.111.682	
3	Lê Văn Duẩn	P.TGD	11.000.000	2	22.000.000	T1, T2
	Lê Văn Duẩn	P.TGD	13.620.000	6	81.720.000	Từ T3 – T8
	Lê Văn Duẩn	P.TGD	15.416.063	1	15.416.063	Lương tháng 13
	Tổng cộng				119.136.063	
	TC Ban TGD				586.933.882	

C - Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng CBNV bình quân năm 2011: 115 người.
- Thu nhập bình quân: 5,8 triệu đồng/người/tháng.

D - Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:

Hội đồng Quản trị của Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2011 đến 05/05/2011 bao gồm các thành viên sau:

- | | |
|----------------------------|------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Quang Trung | - Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông Hồ Trương Thanh Hải | - Ủy viên Hội đồng Quản trị |
| 3. Ông Phạm Kiều Đa | - Ủy viên Hội đồng Quản trị |
| 4. Ông Phan Minh Cường | - Ủy viên Hội đồng Quản trị |
| 5. Ông Huỳnh Ngọc Thành | - Ủy viên Hội đồng Quản trị |
| 6. Ông Nguyễn Mạnh Hào | - Ủy viên Hội đồng Quản trị |

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 ngày 05/05/2011, Đại hội đã bầu Hội đồng Quản trị mới bao gồm các thành viên sau:

1. Ông Phan Minh Cường
2. Ông Hồ Trương Thanh Hải
3. Ông Nguyễn Mạnh Hào
4. Ông Dương Đức Huy
5. Bà Đồng Thị Khánh Ngọc
6. Ông Huỳnh Ngọc Thành
7. Ông Dương Dũng Triều

Tại cuộc họp ngày 05/05/2011, Hội đồng quản trị đã bầu ông Nguyễn Mạnh Hào làm Chủ tịch HĐQT, ông Huỳnh Ngọc Thành và ông Dương Đức Huy làm Phó chủ tịch HĐQT.

- Thay đổi trong Ban TGD: Trong năm 2011 có 2 sự thay đổi nhân sự trong Ban TGD Công ty:

+ Ông Nguyễn Mạnh Hào giữ chức vụ Tổng giám đốc từ ngày 21/5/2009 đến 31/01/2011. Ông Nguyễn Quang Trung tạm quyền điều hành Công ty từ ngày 01/02/2011 đến ngày 05/5/2011 và ông Nguyễn Mạnh Hào trở lại nhận chức vụ Tổng giám đốc Công ty từ ngày 05/5/2011 đến nay;

+ Ông Lê Văn Duẩn thôi giữ chức vụ Phó tổng giám đốc từ ngày 01/9/2011.

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

STT	Họ & tên	Chức vụ	Điều hành Công ty	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Mạnh Hào	CT.HĐQT	TGD	
2	Huỳnh Ngọc Thành	PCT	Không	
3	Dương Đức huy	PCT	Không	
4	Hồ Trương Thanh Hải	UV	Không	
5	Phan Minh Cương	UV	Không	
6	Hồ Trương Thanh Hải	UV	Không	
7	Đồng Thị khánh Ngọc	UV	Không	
II	Ban Kiểm soát			
1	Nguyễn Quang Trung	Trưởng Ban	Không	
2	Nguyễn Tường Huy	UV	Không	
3	Lưu Thanh Thu	UV	Không	

*** Hoạt động của HĐQT trong năm 2011:**

Trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh năm 2011 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 05/5/2011, Hội đồng Quản trị đã tiến hành triển khai thực hiện thông qua đường hướng chỉ đạo tới Ban Tổng giám đốc Công ty.

Có thể nói, năm 2011 là một năm Công ty CP Softech phải trải qua rất nhiều khó khăn kể cả khách quan và chủ quan.

Trước tình hình đó, ngay từ đầu năm 2011, Hội đồng Quản trị đã có những chỉ đạo sát sao cùng với sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBNV, Công ty đã từng

bước trở lại hoạt động ổn định và bước đầu tạo được hình ảnh đáng tin cậy đối với khách hàng, bắt đầu tiếp cận được với các khách hàng ở Hà Nội.

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị đã thực hiện khá tốt việc giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

*** Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2011:**

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát quá trình hoạt động của Công ty cổ phần Công nghệ phần mềm Đà Nẵng (Softech) với một số nội dung sau:

- Kiểm tra tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, các Quy chế, Quy định của HĐQT và Ban kiểm soát Công ty.
- Kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2011.
- Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2011.
- Một số nội dung khác.

*** Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.**

ĐVT: VNĐ

TT	TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao trong năm 2011	Ghi chú
Hội đồng quản trị				240.000.000	
1	1	Nguyễn Mạnh Hào	Chủ Tịch HĐQT	48.400.000	
2	2	Huỳnh Ngọc Thành	PCT HĐQT	32.400.000	
3	3	Dương Đức Huy	PCT HĐQT	24.000.000	(T5 - T12)
4	4	Hồ Trương Thanh Hải	Ủy viên	32.400.000	
5	5	Phan Minh Cương	Ủy viên	32.400.000	
6	6	Phạm Kiều Đa	Ủy viên	8.400.000	
7	7	Dương Dũng Triều	Ủy viên	24.000.000	(T5 - T12)
8	8	Nguyễn Quang Trung	Chủ Tịch HĐQT	14.000.000	(T1 – T4)
9	9	Cty CP Quản lý quỹ Đầu tư FPT - Đồng Thị Khánh Ngọc, Đặng Lưu Dũng	Ủy viên	24.000.000	(T5 - T12)

Ban kiểm soát					70.000.000	
10	1	Ngô Áng	Hùng	Trưởng BKS T1-T4	8.400.000	
11	2	Nguyễn Quang	Trung	Trưởng BKS T5-T12	24.000.000	(T5 - T12)
12	3	Lưu Thanh	Thu	Ủy viên	16.000.000	(T5 - T12)
13	4	Nguyễn Tường	Huy	Ủy viên	21.600.000	
Thư ký					10.800.000	
14	1	Trương Khắc	Linh	Thư ký	10.800.000	
Tổng cộng					320.800.000	

* Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Đầy đủ.

* Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu		Tỷ lệ cuối kỳ (%)	Lý do thay đổi
			Đầu kỳ	Cuối kỳ		
1	NGUYỄN MẠNH HÀO	CT HĐQT				
2	DƯƠNG ĐỨC HUY	PCT HĐQT				
3	HUỲNH NGỌC THÀNH	PCT HĐQT				
4	HỒ TRƯƠNG THANH HẢI	Thành viên HĐQT				
5	DƯƠNG DŨNG TRIỀU	Thành viên HĐQT				
6	PHAN MINH CƯỜNG	Thành viên HĐQT				

7	ĐỒNG THI KHÁNH NGỌC	Thành viên HĐQT				
---	---------------------	-----------------------	--	--	--	--

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn:

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn góp vốn:

STT	Cổ đông	Số CP năm giữ đầu năm 2011	Số CP năm giữ cuối năm 2011	Tỷ lệ năm giữ (%)	Địa chỉ	Số CMND/ Hộ chiếu/ GPĐKKD
1	Mai Thị Thi	90.000	90.000	3,00%	307/2 Phan Châu Trinh - Đà Nẵng	200731908
2	Phạm Chí Nghĩa	78.191	78.191	2,605%	09 Phạm Phú Thứ, Hải Châu, Đà Nẵng	201391911
3	Công ty CP chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương (APEC)	97.500	97.500	3,25%	14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	0103015146
4	Quỹ Đầu tư Phát triển Đà Nẵng	300.000	300.000	10,00%	12 Trần Phú, Đà Nẵng	
5	Công ty Xây dựng 79	257.500	257.500	8,889%	32 Lê Hồng Phong, Đà Nẵng	3203001632
6	Cty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	287.200	287.200	9,575%	61A Nguyễn Văn Cừ, ĐN	3203000719
6	Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	0	1.500.000	50,00%	Tòa nhà TTC, Duy Tân, Cầu Giấy, HN	18/2007/ UBCK-GP
	TỔNG CỘNG	1.110.391	2.610.391	74.03%		

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn góp vốn:

STT	Cổ đông	Số CP năm giữ đầu năm 2011	Số CP năm giữ cuối năm 2011	Tỷ lệ năm giữ (%)	Địa chỉ	Số CMND/ Hộ chiếu/ GPĐKKD
1	Công ty CP Công nghệ MagRabbit	20.000	20.000	0,667%	Tòa nhà 02 Quang Trung, ĐN	321043000025

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH



NGUYỄN MẠNH HÀO